



ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - MÔN TOÁN 10

NĂM HỌC 2024 – 2025

I/ Giới hạn chương trình: → Chương 3, 4, 5 (SGK Toán 10 – tập 1 – KNTT&CS)

Chương 6 (SGK Toán 10 – tập 2 – KNTT&CS)

II/ Cấu trúc đề: → theo format mới

STT	Chủ đề	Dạng thức 1	Dạng thức 2	Dạng thức 3	Tổng
1	HTL trong tam giác	2	4	0	6
2	Vecto	6	4	3	13
3	Các số đặc trưng của MSL k ghép nhóm	3	4	1	8
4	Hàm số - Hàm số bậc hai	1	4	2	7
Tổng số câu hỏi cả đề		12	16	6	34

III/ Một số đề ôn tập:

ĐỀ ÔN TẬP SỐ 1

Giáo viên ra đề: cô Nguyễn Diệu Linh

I. Dạng thức 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 trong 4 phương án

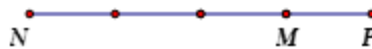
Câu 1: Tính diện tích hình bình hành $ABCD$ biết $AB = a; BC = a\sqrt{3}; \angle ABC = 60^\circ$.

- A. a^2 . B. $\frac{3a^2}{2}$. C. $\frac{a^2}{2}$. D. $\frac{a^2\sqrt{3}}{2}$.

Câu 2: Tam giác với ba cạnh là 5;12;13 có bán kính đường tròn ngoại tiếp là bao nhiêu?

- A. 6. B. 8. C. $\frac{13}{2}$. D. $\frac{11}{2}$.

Câu 3: Cho ba điểm M, N, P được xác định như hình vẽ dưới đây. Mệnh đề nào sau đây đúng?



- A. $\overrightarrow{PN} = 4\overrightarrow{MP}$. B. $\overrightarrow{NM} = -3\overrightarrow{MP}$. C. $\overrightarrow{MN} = 3\overrightarrow{MP}$. D. $\overrightarrow{MN} = -3\overrightarrow{MP}$.

Câu 4: Cho hình thoi $ABCD$ cạnh a và $\angle BAD = 60^\circ$. Khi đó $|\overrightarrow{AD} - \overrightarrow{AB}|$ bằng

- A. $2a$. B. a . C. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$. D. $a\sqrt{2}$.

Câu 5: Cho hai vectơ \vec{a} và \vec{b} . Biết $|\vec{a}| = 2, |\vec{b}| = \sqrt{3}$ và $(\vec{a}, \vec{b}) = 30^\circ$. Tính $|\vec{a} + \vec{b}|$.

- A. $\sqrt{11}$. B. $\sqrt{13}$. C. $\sqrt{12}$. D. $\sqrt{14}$.

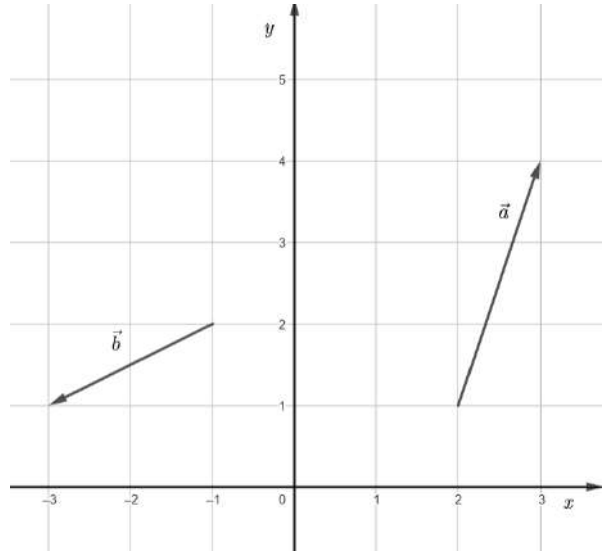
Câu 6: Cho tam giác vuông cân ABC , có $AB = AC = a$. M là trung điểm cạnh AC . Khi đó, $\overrightarrow{MB} \cdot \overrightarrow{MC}$ bằng

- A. $\frac{a^2\sqrt{5}}{4}$. B. $-\frac{a^2}{4}$. C. $-\frac{a^2\sqrt{5}}{4}$. D. $-a^2$.

Câu 7: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho hai vectơ \vec{a} và \vec{b} như hình bên.

Độ dài của vectơ $2\vec{a} - 3\vec{b}$ là

- A. $\sqrt{145}$. B. $\sqrt{154}$.
C. 5. D. $\sqrt{73}$.



Câu 8: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho hai điểm $A(4;3)$ và $B(1;7)$. Góc giữa hai vectơ \vec{OA} và \vec{OB} là

- A. 30° . B. 45° .
C. 60° . D. 135° .

Câu 9: Cho số gần đúng $a = 8\,141\,378$ với độ chính xác $d = 300$. Số quy tròn của số gần đúng a là
A. 8 141 000. B. 8 141 400. C. 8 141 300. D. 8 142 400.

Câu 10: Có 100 học sinh tham dự kì thi học sinh giỏi Hóa (thang điểm 20). Kết quả như sau:

Điểm	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tần số	1	1	3	5	8	13	19	24	14	10	2

Số trung bình cộng là

- A. $\bar{x} = 15,20$. B. $\bar{x} = 15,21$. C. $\bar{x} = 15,23$. D. $\bar{x} = 15,25$.

Câu 11: Thống kê điểm kiểm tra môn toán (thang điểm 10) của một nhóm gồm 6 học sinh ta có bảng số liệu sau:

Tên học sinh	Kim	Son	Ninh	Bình	Việt	Nam
Điểm	9	8	7	10	8	9

Tìm độ lệch chuẩn δ của bảng số liệu trên (làm tròn đến hàng phần trăm).

- A. $\delta \approx 0,92$. B. $\delta \approx 0,95$. C. $\delta \approx 0,96$. D. $\delta \approx 0,91$.

Câu 12: Hai đại lượng x, y phụ thuộc vào nhau theo các hệ thức dưới đây, trường hợp nào thì y là hàm số của x ?

- D. $y^2 - x + 1 = 0$. B. $x^2 + y = 0$. C. $x^2 - y^2 + 3 = 0$. D. $x^2 + 2y^2 - 3 = 0$.

II. Dạng thức 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thi sinh trả lời từ câu 13 đến câu 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Cho tam giác ABC có $BC = 12, CA = 9, AB = 6$. Trên cạnh BC lấy điểm M sao cho $BM = 4$.

- a) $\angle BAC$ là góc nhọn. b) $S_{ABC} = \frac{27\sqrt{15}}{4}$. c) $AM = \sqrt{19}$. d) $\cos CAM = \frac{2\sqrt{19}}{19}$.

Câu 14: Cho tam giác đều ABC có cạnh 18 cm. Gọi G là trọng tâm tam giác ABC . Gọi H là hình chiếu của A xuống cạnh BC . Xét tính đúng, sai của các mệnh đề sau:

- a) $\vec{GA} + \vec{GB} + \vec{GC} = \vec{0}$. b) $\vec{GA} = 2\vec{GH}$. c) $|2\vec{AB} + 3\vec{AC}| = 18\sqrt{7}$.

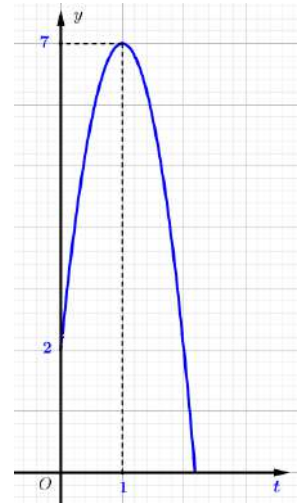
d) Gọi d là đường thẳng qua A và song song BC . Xét điểm M di động trên d , giá trị nhỏ nhất của biểu thức $|\vec{MA} + 2\vec{MB} - \vec{MC}|$ là $9\sqrt{3}$.

Câu 15: Trong một cuộc thi thể thao, người ta ghi lại thời gian hoàn thành chặng đường đua của một số vận động viên ở bảng sau:

Thời gian (đơn vị: phút)	4	5	6	7	8
Số vận động viên	3	4	3	5	1

- a) Một của mẫu số liệu trên là 7.
- b) Tứ phân vị thứ nhất và thứ ba của mẫu số liệu trên lần lượt là 5 và 6.
- c) Độ lệch chuẩn (làm tròn đến hàng phần trăm) là 1,23.
- d) Khoảng tứ phân vị là 2.

Câu 16: Một viên bi được ném xiên từ vị trí A cách mặt đất 2m theo quỹ đạo là đồ thị của hàm số bậc hai $y = h(t) = at^2 + bt + c$ ($a \neq 0$) trong đó h là chiều cao của viên bi (tính bằng mét), t là thời gian (tính bằng giây) như hình vẽ.



- a) Hệ số a là số âm.
- b) Viên bi đạt độ cao lớn nhất bằng 7m.
- c) $a = 2b$.
- d) Viên bi rơi xuống mặt đất sau 2,18 giây kể từ lúc được ném lên. (Kết quả làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai).

III. Dạng thức 3: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thi sinh trả lời từ câu 17 đến câu 22

Câu 17: Cho tam giác ABC đều cạnh 1. Lấy M, N, P lần lượt nằm trên ba cạnh BC, CA, AB sao cho $BM = 2MC, AC = 3AN, AP = x, x > 0$. Giá trị x để AM vuông góc với NP bằng bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Đáp án:

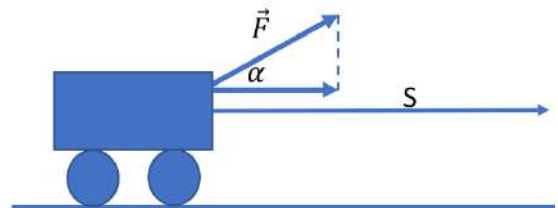
Câu 18: Cho bảng phân bố tần số về sản lượng cafe thu được trong 1 năm (kg/sào) của 20 hộ gia đình

Sản lượng	111	112	113	114	115	116	117
Tần số	1	3	4	5	4	2	1

Số trung vị của bảng số liệu trên là bao nhiêu?

Đáp án:

Câu 19: Một con ngựa kéo xe chở hàng đi đều với vận tốc 10 km/h bằng lực kéo \vec{F} hợp với phương ngang một góc $\alpha = 45^\circ$. Biết lực \vec{F} có độ lớn bằng $200\sqrt{2}$ N. Giả thiết lực ma sát là không đáng kể. Hỏi công lực kéo của ngựa đã thực hiện khi kéo trong một giờ là bao nhiêu J? (làm tròn đến hàng đơn vị, biết công sinh ra bởi lực \vec{F} không đổi tác động vào một vật và điểm đặt của lực chuyển động thẳng từ M đến N thì công A của lực \vec{F} được tính theo công thức: $A = \vec{F} \cdot \vec{MN}$).



Đáp án:

Câu 20: Cho hai điểm $A(2;-3)$ và $B(3;-4)$. Biết điểm $M(a;b)$ thuộc trục hoành sao cho chu vi tam giác AMB nhỏ nhất. Tính giá trị biểu thức $7a-b$.

Đáp án:

Câu 21: Một cửa hàng bán bình nước giữ nhiệt với giá bán là 100 000 đồng mỗi chiếc bình. Với giá bán này thì mỗi ngày cửa hàng chỉ bán được 30 chiếc. Cửa hàng dự định giảm giá bán, ước tính nếu cửa hàng giảm mỗi chiếc 4 000 đồng thì số bình nước bán được tăng thêm là 10 chiếc. Biết rằng giá nhập về ban đầu cho mỗi chiếc là 70 000 đồng. Hỏi giá bán mỗi chiếc bình là bao nhiêu nghìn đồng để cửa hàng thu được lợi nhuận cao nhất?

Đáp án:

Câu 22: Nhân dịp 20/11, một cửa hàng bán trà sữa có chương trình khuyến mãi như sau: mua một cốc trà sữa giá ban đầu 40 000 đồng; mua hai cốc thì cốc thứ hai được giảm giá 5 000 đồng; mua từ cốc thứ ba thì giá mỗi cốc từ cốc thứ ba được giảm 10 000 đồng so với giá ban đầu. Hỏi với 600 000 đồng thì mua được tối đa bao nhiêu cốc trà sữa?

Đáp án:

----- HẾT ĐỀ 1 -----

ĐỀ ÔN TẬP SỐ 2

Giáo viên ra đề: cô Vũ Thị Ngọc Diệp

I. Dạng thức 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 trong 4 phương án

Câu 1: Cho tam giác ABC có $a=4, c=5, B=150^\circ$. Diện tích của tam giác là

- A. $5\sqrt{3}$. B. 5. C. 10. D. $10\sqrt{3}$.

Câu 2: Cho tam giác ABC có $b=7; c=5; \cos A = \frac{3}{5}$. Độ dài đường cao h_a của tam giác ABC là.

- A. $\frac{7\sqrt{2}}{2}$. B. 8. C. $8\sqrt{3}$. D. $80\sqrt{3}$.

Câu 3: Cho tam giác ABC có M là trung điểm BC . Mệnh đề nào sau đây sai?

- A. $\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{AC} = 2\overrightarrow{BM}$. B. $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC} = 2\overrightarrow{AM}$. C. $\overrightarrow{MB} + \overrightarrow{MC} = \vec{0}$. D. $\overrightarrow{AC} - \overrightarrow{AB} = 2\overrightarrow{BM}$.

Câu 4: Cho tam giác ABC đều cạnh bằng a . Độ dài vector $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC}$ bằng bao nhiêu?

- A. $2a$. B. $\frac{\sqrt{3}a}{2}$. C. $a\sqrt{3}$. D. $a\sqrt{2}$.

Câu 5: Cho hai vectơ \vec{a} và \vec{b} đều khác vectơ $\vec{0}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $\vec{a} \cdot \vec{b} = |\vec{a}| \cdot |\vec{b}|$. B. $\vec{a} \cdot \vec{b} = |\vec{a}| \cdot |\vec{b}| \cdot \cos(\vec{a}, \vec{b})$.
C. $\vec{a} \cdot \vec{b} = |\vec{a} \cdot \vec{b}| \cdot \cos(\vec{a}, \vec{b})$. D. $\vec{a} \cdot \vec{b} = |\vec{a}| \cdot |\vec{b}| \cdot \sin(\vec{a}, \vec{b})$.

Câu 6: Cho tam giác ABC vuông tại A có $AB=a; AC=a\sqrt{3}$ và AM là trung tuyến. Tính tích vô hướng $\overrightarrow{BA} \cdot \overrightarrow{AM}$.

- A. $\frac{a^2}{2}$ B. a^2 C. $-a^2$ D. $-\frac{a^2}{2}$.

Câu 7: Vector $\vec{a} = (-4; 0)$ được phân tích theo hai vector đơn vị như thế nào?

- A. $\vec{a} = -4\vec{i} + \vec{j}$. B. $\vec{a} = -\vec{i} + 4\vec{j}$. C. $\vec{a} = -4\vec{j}$. D. $\vec{a} = -4\vec{i}$.

Câu 8: Cho $\vec{a} = (-4, 1)$ và $\vec{b} = (-3, -2)$. Tọa độ $\vec{c} = \vec{a} - 2\vec{b}$ là:

- A. $\vec{c} = (1; -3)$. B. $\vec{c} = (2; 5)$. C. $\vec{c} = (-7; -1)$. D. $\vec{c} = (-10; -3)$.

Câu 9: Kết quả đo chiều dài của một cây cầu được ghi là $152m \pm 0,2m$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. Chiều dài đúng của cây cầu là một số nằm trong khoảng từ $151,8m$ đến $152,2m$.
 B. Chiều dài đúng của cây cầu là một số lớn hơn $152m$.
 C. Chiều dài đúng của cây cầu là một số nhỏ hơn $152m$.
 D. Chiều dài đúng của cây cầu là $151,8m$ hoặc là $152,2m$.

Câu 10: Trong một cuộc thi nghệ, người ta ghi lại thời gian (phút) hoàn thành một sản phẩm của 11 thí sinh theo thứ tự không giảm như sau

5 5 5 5 6 6 7 7 8 8 8

Số trung vị của dãy số liệu trên là

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 5

Câu 11: Cho bảng số liệu điểm kiểm tra môn Toán của 20 học sinh

Điểm	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	1	2	3	4	5	4	1

Tìm trung vị của bảng số liệu trên.

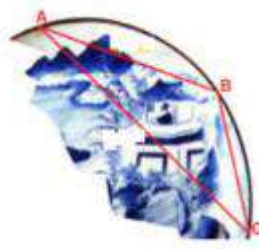
- A. 7 B. 8 C. 7,5 D. 7,3

Câu 12: Cho hàm số $y = f(x)$ nghịch biến trên $(0; +\infty)$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $f(1) < f(2)$ B. $f(\sqrt{3}) > f(\sqrt{2})$ C. $f(\sqrt{2}) \leq f(\sqrt{5})$ D. $f(\sqrt{3}) > f(\sqrt{5})$.

II. Dạng thức 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. *Thi sinh trả lời từ câu 13 đến câu 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 13: Trong khi khai quật một ngôi mộ cổ, các nhà khảo cổ học tìm được một chiếc đĩa cổ hình tròn bị vỡ, các nhà khảo cổ lấy 3 điểm trên chiếc đĩa như hình vẽ và tiến hành đo đạc thu được kết quả $AB = 4,1cm$; $BC = 3,6cm$; $AC = 7,3cm$. Đặt $BC = a, AC = b, AB = c$ và gọi R là bán kính chiếc đĩa.



a) Diện tích S tam giác ABC là $S = \sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}$, với $p = a + b + c$.

b) Diện tích tam giác ABC là $S = \frac{3\sqrt{221}}{10} (cm^2)$

c) Bán kính của chiếc đĩa được tính theo công thức $R = \frac{S}{P}$.

d) Bán kính của chiếc đĩa (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm) là 6,04 cm.

Câu 14: Cho tam giác ABC vuông tại A , có $AB = 3, BC = 5$. Gọi E là trung điểm AB .

a) $\overrightarrow{CB} + \overrightarrow{CA} = 2\overrightarrow{CE}$. b) $2\overrightarrow{AE} + \overrightarrow{CA} = \overrightarrow{BC}$. c) $\overrightarrow{BC} \cdot \overrightarrow{AB} = -9$.

d) Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng CE và M là điểm thay đổi trên đường thẳng BC . Khi đó giá trị nhỏ nhất của biểu thức $T = |\overrightarrow{MA} + \overrightarrow{MB} + 2\overrightarrow{MC}|$ bằng $\frac{12}{5}$.

Câu 15: Thống kê chiều cao của các học sinh của một lớp 10 trường THPT Việt Đức, Hoàn Kiếm, Hà Nội thu được bảng số liệu sau

Chiều cao (cm)	158	160	162	165	170	175	180
Số học sinh	1	3	10	7	11	6	7

a) Chiều cao trung bình của học sinh của lớp là 170(cm).

b) Một chiều cao của lớp là 170(cm).

c) Trung vị của mẫu số liệu là 165.

d) Tứ vị phân của mẫu số liệu là $Q_1 = 162; Q_2 = 170; Q_3 = 175$.

Câu 16: Cho hàm số $y = f(x) = mx^2 + 2x - 1$ với m là tham số.

a) Hàm số đã cho là hàm số bậc 2.

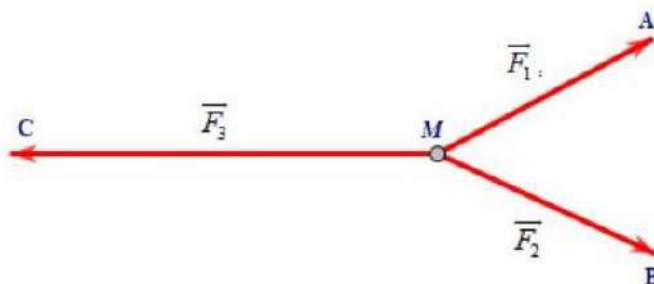
b) Khi $m = 0$ hàm số đã cho nghịch biến trên tập xác định của nó.

c) Khi $m = 1$ đồ thị của hàm số đã cho là một Parabol có đỉnh nằm ở phía dưới của trục hoành.

d) Khi $m \neq 0$ đồ thị hàm số luôn cắt trục hoành tại 2 điểm phân biệt.

III. Dạng thứ 3: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thi sinh trả lời từ câu 17 đến câu 22

Câu 17: Cho ba lực $\vec{F}_1 = \overrightarrow{MA}, \vec{F}_2 = \overrightarrow{MB}, \vec{F}_3 = \overrightarrow{MC}$ cùng tác động vào một vật tại điểm M và vật đứng yên (tham khảo hình vẽ).



Cho biết cường độ của \vec{F}_1, \vec{F}_2 đều bằng 100 N và góc $AMB = 60^\circ$. Tính cường độ lực \vec{F}_3 .

Đáp án:

II. Dạng thức 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. *Thi sinh trả lời từ câu 13 đến câu 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 13: Cho tam giác ABC có $AB = 4, AC = 5, BC = \sqrt{61}$.

a) Góc lớn nhất của tam giác ABC là 100° .

b) Bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC là $R = \frac{\sqrt{61}}{3}$.

c) Bán kính đường tròn nội tiếp tam giác ABC là $r = \frac{9\sqrt{3} - \sqrt{183}}{2}$.

d) Trên tia đối của tia CA lấy điểm D sao cho $CD = 2CA$, diện tích tam giác BCD là $10\sqrt{3}$.

Câu 14: Cho hình vuông $ABCD$ tâm O , cạnh bằng a .

a) Độ dài vectơ $\overrightarrow{DC} + \overrightarrow{BO} - \overrightarrow{AD}$ bằng $a\sqrt{2}$.

b) Độ dài vectơ $3\overrightarrow{OD} + 4\overrightarrow{OC}$ bằng $5a\sqrt{2}$.

c) Tích vô hướng $\overrightarrow{AC}(\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD})$ bằng $2a^2$.

d) Lấy điểm M trên AB , N trên BC sao cho $AB = 3AM, BC = 3BN$ thì $AN \perp DM$.

Câu 15: Cho hai hàm số $f(x) = 2x - 4$ và $g(x) = x^2 - 4$.

a) Giá trị $g(f(1)) = -8$.

b) Hàm số $h(x) = g(f(x)) = 4x^2 - 16x + 12$.

c) Hàm số $g(x) = x^2 - 4$ nghịch biến trên khoảng $(-\infty; 2)$ và đồng biến trên khoảng $(2; +\infty)$.

d) Giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 4(x^2 - 4x - 3) - 16(x^2 - 4x - 3) + 12$ bằng 1.

Câu 16: Điểm số của hai vận động viên A và B bắn cung trong 10 lần bán thử để chuẩn bị cho Olympic Tokyo 2020 được ghi lại như sau:

Lần bắn	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Điểm số A	10	9	8	10	9	9	9	10	9	8
Điểm số B	5	10	10	10	10	7	9	10	10	10

a) Điểm số trung bình của vận động viên A bằng 9.

b) Trung vị của mẫu số liệu của vận động viên A bằng 9.

c) Một của mẫu số liệu của vận động viên B bằng 10

d) Tứ phân vị của mẫu số liệu của vận động viên B là $Q_1 = 9, Q_2 = 10, Q_3 = 10$.

III. Dạng thức 3: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thi sinh trả lời từ câu 17 đến câu 22

Câu 17: Cho tam giác ABC và ba điểm M, N, P sao cho $\overline{AM} = \frac{1}{3}\overline{AB}, \overline{AN} = \frac{2}{3}\overline{AC}, \overline{AP} = k\overline{AD}$. Tìm k để M, N, P thẳng hàng.

Đáp án:

Câu 18: Để kéo một đường dây điện băng qua một hồ hình chữ nhật $ABCD$ với độ dài $AB = 200m$, $AD = 180m$, người ta định làm 4 cột điện liên tiếp cách đều nhau, cột thứ nhất nằm trên bờ AB và cách đỉnh A khoảng cách $20m$, cột thứ tư nằm trên bờ CD và cách đỉnh C khoảng cách $30m$. Tính khoảng cách từ vị trí các cột thứ hai, thứ ba đến các bờ AB, CD .

Đáp án:

Câu 19: Cho hình vuông $ABCD$, điểm M thuộc đoạn thẳng AC sao cho $AM = \frac{AC}{4}$. Gọi N là trung điểm của đoạn thẳng BC . Tính góc MDN .

Đáp án:

Câu 20: Cho hàm số $y = f(x) = \begin{cases} \frac{2x+1}{x+2} & \text{khi } x \geq 0 \\ \frac{\sqrt[3]{2x+1}}{x-1} & \text{khi } x < 0 \end{cases}$. Tính giá trị $f(-14)$.

Đáp án:

Câu 21: Khi một quả bóng được đá lên, nó sẽ đạt đến độ nào đó rồi rơi xuống. Biết rằng quỹ đạo của quả bóng là một cung parabol trong mặt phẳng với hệ tọa độ Oth trong đó t là thời gian (tính bằng giây) kể từ khi quả được đá lên; h là độ cao (tính bằng mét) của quả bóng. Giả thiết rằng quả bóng được đá lên từ độ cao $1m$. Sau 2 giây, nó đạt đến độ cao $5m$ và 3 giây sau khi đá lên, nó đạt độ cao $4m$. Hỏi sau bao lâu thì quả bóng sẽ chạm đất kể từ khi được đá lên? (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Đáp án:

Câu 22: Điều tra số sách tham khảo môn Toán của 30 học sinh ở một lớp 10 của một trường THPT ta thu được mẫu số liệu:

6	1	4	6	7	2	7	5	3	5
5	2	2	2	2	4	3	2	1	3
7	6	6	3	3	4	7	4	3	2

Xác định độ lệch chuẩn của mẫu số liệu.

Đáp án:

----- HẾT -----